

Bản án số: 45/2023/HS-PT
Ngày: 28 - 6 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Trần Quang Cường**

Các Thẩm phán: ông **Bùi Văn Tuấn** và ông **Nguyễn Nhật Duật**

- **Thư ký phiên tòa:** ông **Nguyễn Đức Bình** - Thư ký TAND tỉnh Quảng Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng ninh tham gia phiên tòa:** bà **Phạm Quỳnh Hoa** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2023 tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 33/2023/TLPT-HS ngày 05 tháng 5 năm 2023 đối với bị cáo **Triệu Thị M** do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 05/2023/HS-ST ngày 28 tháng 03 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Ba Chẽ, tỉnh Quảng Ninh.

- **Bị cáo có kháng cáo**

Họ và tên: **Triệu Thị M**; sinh ngày 06/4/1980, tại **xã M, huyện L, tỉnh Lạng Sơn**; nơi cư trú: **thôn Đ, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Ninh**; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Triệu Tiến V** và bà **Đặng Thị T**; có chồng là **Tăng Dẫu N** (tên gọi khác: **Đặng Hiệu N1**) và có 05 con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam từ ngày 23/11/2022 đến ngày 19/01/2023 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn “bảo lãnh”, hiện tại ngoại tại nơi cư trú, vắng mặt tại phiên tòa.

* **Người bào chữa cho bị cáo:** Luật sư **Hoàng Văn S** – Công ty L thuộc Đoàn luật sư thành phố H, vắng mặt tại phiên tòa.

* **Nguyên đơn dân sự:** Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Quảng Ninh; địa chỉ: **Số C đường H, thị trấn B, huyện B, tỉnh Quảng Ninh**. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn dân sự: ông **Nguyễn Quang T1** - chức vụ (hiện tại): Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường **huyện B, tỉnh Quảng Ninh** (theo văn bản ủy quyền lập ngày 17/01/2023); Vắng mặt.

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** ông **Tăng Dẫu N2** (tên gọi khác: **Đặng Hiệu N1**) chồng bị cáo. Sinh ngày 20/01/1972; nơi cư trú: **thôn Đ, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Ninh**. Vắng mặt.

* **Người làm chứng:** anh **Đặng Phúc T2**; sinh ngày 19/4/2001; nơi cư trú: **thôn Đ, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Ninh**. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2009, Ông **Tăng Dẫu N2** (chồng bị cáo **M**) trú tại **thôn Đ, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Ninh** được Ủy ban nhân dân huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP425272 với diện tích 35.000m² thuộc lô 11a (1,5 ha) và 11b (nay là lô 15 - 02 ha) tại **thôn Đ, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Ninh**, thời hạn sử dụng 50 năm. Mục đích giao đất: lô 11a để trồng thông (Dự án **V**); lô 11b (nay là **lô A**) để khoanh nuôi bảo vệ rừng. Sau khi được giao, gia đình ông **N2** đã trồng thông ở lô 11a, còn lô 15 vẫn là rừng tự nhiên. Mặc dù biết rõ tại lô 15 là rừng được Nhà nước giao cho để khoanh nuôi, bảo vệ nhưng **Triệu Thị M** (vợ ông **Tăng Dẫu N**) vẫn nảy sinh ý định chặt phá rừng để lấy đất trồng cây Keo. Từ ngày 03/5/2022 đến ngày 05/5/2022, **M** đã thuê 05 nam thanh niên (không rõ lai lịch địa chỉ) cùng với **M** sử dụng dao quảm, cưa máy chặt phá 11.270m² (mười một nghìn hai trăm bảy mươi mét vuông) rừng tự nhiên tại lô 15 khoảnh 15, **tiểu khu A, thuộc thôn Đ, xã Đ, huyện B tỉnh Quảng Ninh**. Tổng khối lượng gỗ rừng bị chặt phá (406 cây) là: 30,29m³ (ba mươi phẩy hai mươi chín mét khối). Số cây rừng tự nhiên bị chặt hạ (406 cây), không có loài cây thuộc “Danh mục thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm” (chủ yếu là **C, T3** tấu, **D...**) và tổng số cây tre bị chặt hạ là 7.055 (bảy nghìn không trăm năm mươi năm) cây. Khu vực có cây rừng tự nhiên bị chặt hạ tại hiện trường có hiện trạng là DT2 (đất trồng có cây gỗ tái sinh), quy hoạch là rừng sản xuất.

Kết luận định giá tài sản xác định. Tổng giá trị thiệt hại là 169.116.000 đồng (một trăm sáu mươi chín triệu, một trăm mười sáu nghìn đồng).

Quá trình điều tra và chuẩn bị xét xử, bị cáo đã nhờ chồng và con đến Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Chẽ nộp trước toàn bộ số tiền bồi thường, khắc phục hậu quả là 169.116.000 đồng

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 05/2023/HS-ST ngày 28 tháng 03 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Ba Chẽ tỉnh Quảng Ninh đã Quyết định căn cứ vào: điểm đ khoản 2 Điều 243; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo **Triệu Thị M** 21 (hai mươi một) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày thi hành án (được trừ đi những ngày đã bị tạm giam, từ ngày 23/11/2022 đến ngày 19/01/2023) về tội “Hủy hoại rừng”

Ngoài ra Tòa án còn quyết định xử lý án phí, vật chứng, việc thi hành án, thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 10-4-2023 bị cáo **Triệu Thị M** làm đơn kháng cáo về hình phạt với nội dung xin hưởng án treo vì gia đình có điều kiện kinh tế khó khăn nhà đông con gồm 05 con và con nhỏ nhất sinh năm 2010. Bản thân bị cáo đang là lao động chính trong gia đình và nuôi 02 con bé đang ăn học. Do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên mục đích của chặt cây rừng là để trồng keo phát triển kinh tế không nhằm mục đích chặt cây rừng để khai thác bán. Có mẹ là bà **Đặng Thị T** được tặng huân chương kháng

chiến hạng ba. Bị cáo hiện đang có rất nhiều bệnh như viêm tá tràng, đau dạ dày và đang phải điều trị thường xuyên. Mặc dù thuộc khoản 2 nhưng vi phạm đầu khoản và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm. Bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng núi điều kiện cuộc sống khó khăn không được đi học, không biết đọc, không biết viết, trình độ nhận thức rất hạn chế. Việc nhà nước cấp GCNQSDĐ cho bị cáo nhưng bị cáo không biết chữ nên dẫn đến việc bị cáo nhầm tưởng rừng được giao cho bị cáo rồi, bị cáo muốn trồng cây gì do bị cáo. Đã khắc phục toàn bộ số tiền thiệt hại 169.116.000 đ, trong suốt quá trình thực hiện dự án trồng rừng **V** từ năm 2009 – 2013 có được trả tiền công từ 300.000 – 400.000/ tháng. Nhưng sau khi kết thúc năm 2013 cũng không có tập huấn hoặc tuyên truyền giải thích về việc khoanh nuôi bảo vệ rừng như thế nào. Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng và có 02 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 và nhiều tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Nên đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét cho được hưởng án treo theo quy định.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện VKSND tỉnh Quảng Ninh đề nghị Hội đồng xét xử: căn cứ Điều 351 Bộ luật tố tụng Hình sự, xét xử vắng mặt bị cáo, Luật sư bào chữa cho bị cáo và không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tội danh: sau xét xử sơ thẩm không ai kháng cáo, kháng nghị về tội danh đối với bị cáo. Do đó căn cứ Điều 330 và Điều 345 Bộ luật Tố tụng Hình sự. Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét lại.

Bị cáo và Luật sư bào chữa cho bị cáo đã được triệu tập hai lần, nhưng không đến phiên tòa. Do đó, căn cứ Điều 351 Bộ luật tố tụng Hình sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị cáo, và Luật sư bào chữa cho bị cáo.

[2] Về hình phạt: theo quy định của Điều 9; Điều 58 Luật Lâm nghiệp thì nhà nước nghiêm cấm chặt, phá, khai thác, lấn, chiếm rừng trái quy định của pháp luật. Đối với rừng sản xuất thì Chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư khai thác gỗ phải có đề nghị và được Ủy ban nhân dân cấp huyện chấp thuận. Trong vụ án này bị cáo **M** không được cơ quan nào cho phép chặt cây rừng nhưng bị cáo đã có hành vi thuê 05 người, sử dụng dao quắm, cưa máy chặt phá trái phép 11.270m² rừng tự nhiên (*quy hoạch là rừng sản xuất*). Tổng khối lượng gỗ rừng bị chặt phá (406 cây) là: 30,29m³. Giá trị thiệt hại là 169.116.000 đồng. Do vậy bị cáo bị xét xử theo điểm đ khoản 2 Điều 243 Bộ luật Hình sự có mức hình phạt từ 03 đến 7 năm tù. Mặc dù bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ như đơn kháng cáo của bị cáo trình bày. Nhưng hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến chế độ quản lý rừng của nhà nước; xâm phạm nghiêm trọng đến môi trường sinh thái, gây ra những hậu quả nghiêm trọng khác cho đời sống xã hội. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 21 (hai mươi một) tháng tù là phù hợp. Như vậy mới có tác dụng giáo dục riêng và cảnh tỉnh

những người khác không được phá rừng. Nên Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí: yêu cầu kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận, do đó bị cáo phải nộp án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng Hình sự. Không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị cáo **Triệu Thị M**, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 243; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Triệu Thị M** 21 (hai mươi một) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày thi hành án (*được trừ đi những ngày đã bị tạm giam, từ ngày 23/11/2022 đến ngày 19/01/2023*) về tội “Hủy hoại rừng”

Về án phí: áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo **Triệu Thị M** phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Q.Ninh;
- CA, VKS, TA cấp sơ thẩm;
- Cơ quan THAHS CA Ba Chẽ;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- THA;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quang Cường